

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SMARTRIP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SMARTRIP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMARTRIP TOURISM DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110276674

3. Ngày thành lập: 08/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12 Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 083 5309988

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa(Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ loại nhà nước cấm)	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
13.	Khai thác gỗ	0220
14.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
16.	Dịch vụ đóng gói	8292
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết -Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Lập trình máy vi tính	6201
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
21.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
23.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
26.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ loại nhà nước cấm)	7320

28.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
29.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô	7710
30.	Bán buôn tổng hợp	4690
31.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
32.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
33.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
34.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
35.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
36.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
39.	In ấn (Trừ loại nhà nước cầm)	1811
40.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
41.	Sao chép bản ghi các loại	1820
42.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
43.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic: Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa.	2220
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;	4789
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động của cáp treo, đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi. - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

51.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
52.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
53.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết : - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan	5229
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: -Khách sạn -Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: -Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
61.	Đại lý du lịch	7911(Chính)
62.	Điều hành tua du lịch	7912
63.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
64.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

65.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
66.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8211
67.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Chuẩn bị tài liệu;- Sửa tài liệu hoặc hiệu đính;- Đánh máy, sửa từ hoặc kỹ thuật chế bản điện tử;- Viết thư hoặc tóm tắt;- Photocopy;- Nhân bản;	8219
68.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71.	Thu gom rác thải độc hại	3812
72.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Xây dựng nhà để ở	4101
76.	Xây dựng nhà không để ở	4102
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình điện	4221
79.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
80.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
81.	Xây dựng công trình thủy	4291
82.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
83.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
84.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, nước thơm; - Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...	4772
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THỊ HẰNG	Tổ dân phố 12, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	022188003626	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		

2	VÕ XUÂN KHUƠNG	Tổ dân phố 12, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	042049000340
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000	
3	NGUYỄN NGỌC THÚY	Căn hộ 1405, tòa 17T4, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	90,000	031186002188
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031186002188

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Căn hộ 1405, tòa 17T4, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 1405, tòa 17T4, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội